

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ TẤN DANH

CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ
TỈNH KON TUM

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN GIA DŨNG

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày tháng 11 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Kon Tum là tỉnh nghèo với nền kinh tế còn nặng về nông nghiệp. Trong những năm qua, cùng với cả nước, Kon Tum đang trong tiến trình xây dựng và phát triển theo hướng CNH, HĐH. CCKT của tỉnh từng bước được chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau sự chuyển dịch còn chậm và chưa vững chắc. Với yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH và nhất là đứng trước những đòi hỏi của quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, đòi hỏi CCKT của tỉnh phải được chuyển dịch nhanh và hiệu quả hơn trong thời gian tới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ cơ sở lí luận và thực tiễn về CDCCKT tỉnh Kon Tum trong thời gian qua, từ đó đưa ra những định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch nhanh hơn theo hướng CNH, HĐH trong thời gian tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

4. Giới hạn nghiên cứu

Về nội dung:

(i) Phân tích ảnh hưởng của các nguồn lực tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

(ii) Phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành (phân tích sâu), theo thành phần gồm: cơ cấu GDP, cơ cấu lao động, năng suất lao động và cơ cấu giá trị sản xuất nội ngành, không phân tích sâu các lĩnh vực trong từng ngành;

(iii) Đưa ra những định hướng và đề xuất một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Kon Tum theo hướng CNH, HĐH.

(iv) Không phân tích việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ (thành phố, huyện) mà chỉ đề cập đến việc phát triển kinh tế của các vùng kinh tế động lực của tỉnh.

Về không gian: Đề tài nghiên cứu số liệu tổng quát về mặt kinh tế của tỉnh Kon Tum bao gồm 1 đơn vị hành chính cấp thành phố và 8 đơn vị hành chính cấp huyện.

Về thời gian: 2000-2010

5. Các phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập tài liệu
- Phương pháp thống kê toán học
- Phương pháp phân tích, so sánh
- Phương pháp khảo sát thực địa
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp bản đồ, biểu đồ
- Phương pháp dự báo

6. Những đóng góp của luận văn

- Lý giải một cách khoa học những thành tựu cũng như những hạn chế của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

- Phân tích những mặt thuận lợi, khó khăn của Kon Tum; các nguyên nhân chủ quan, khách quan đưa đến những thành tựu và hạn chế của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhằm phát huy hơn nữa những tiềm năng và thế mạnh của kinh tế Kon Tum, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nói chung và của Kon Tum nói riêng...

7. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

1.1. CƠ CẤU KINH TẾ

1.1.1. Khái niệm cơ cấu, cơ cấu kinh tế

CCKT là tổng thể một hệ thống kinh tế bao gồm nhiều yếu tố quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau trong không gian và thời gian nhất định, phù hợp với mục tiêu đã xác định của nền kinh tế.

1.1.2. Phân loại cơ cấu kinh tế:

Cơ cấu kinh tế bao gồm cơ cấu ngành, cơ cấu kinh tế vùng lãnh thổ và cơ cấu thành phần kinh tế

CCKT theo ngành, theo thành phần và theo lãnh thổ là sự biểu hiện về bản chất ở những khía cạnh khác nhau của một nền kinh tế, giữa chúng có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, trong đó cơ cấu theo ngành giữ vai trò chủ đạo trong toàn bộ quá trình phát triển, cơ cấu theo thành phần kinh tế giữ vai trò quan trọng để thực hiện cơ cấu ngành và cơ cấu theo lãnh thổ là cơ sở cho các ngành, các thành phần kinh tế phân bổ hợp lý các nguồn lực, tạo sự phát triển đồng bộ, cân đối và đạt hiệu quả cao giữa các ngành và giữa các thành phần kinh tế của một nền kinh tế.

1.1.3. Những yêu cầu để xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý

1.2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự thay đổi CCKT từ trạng thái này sang trạng thái khác cho phù hợp với môi trường phát triển. Về thực chất, đó là sự điều chỉnh cơ cấu trên ba mặt biểu hiện (ngành, lãnh thổ, thành phần kinh tế) nhằm hướng sự phát triển của cả nền

kinh tế vào các chiến lược KT-XH đã được đề ra cho từng thời kỳ cụ thể.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế chỉ diễn ra khi:

- Có những sự thay đổi lớn về điều kiện phát triển;
- Có những khả năng và giải pháp mới làm thay đổi phương thức khai thác các điều kiện hiện tại;
- Trong quan hệ phát triển giữa các bộ phận của cơ cấu kinh tế có những trở ngại dẫn đến việc hạn chế lẫn nhau làm ảnh hưởng đến sự phát triển chung.

1.2.2. Một số lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.2.2.1. Lý thuyết phát triển kinh tế phân kỳ

Walt Rostow - cha đẻ của lý thuyết này cho rằng: quá trình phát triển của bất cứ quốc gia nào trên thế giới cũng đều phải trải qua 5 giai đoạn tuần tự: Xã hội truyền thống; giai đoạn chuẩn bị cất cánh; giai đoạn cất cánh; giai đoạn chuyển đến sự chín muồi kinh tế; kỷ nguyên tiêu dùng hàng loạt

Theo lý thuyết này, hầu hết các nước đang phát triển và đang trong quá trình công nghiệp hóa nằm ở trong khoảng giai đoạn 2 và 3. Về mặt cơ cấu kinh tế, phải bắt đầu hình thành được những ngành công nghiệp chế biến có khả năng thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế tăng trưởng. Ngoài ra, sự chuyển tiếp từ giai đoạn 2 sang giai đoạn 3 đi kèm với sự thay đổi của những ngành chủ lực, đóng vai trò đầu tàu.

1.2.2.2. Lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu của Moise Syrquin

Lý thuyết chuyển dịch cơ cấu kinh tế của M. Syrquin gồm ba giai đoạn: (1) sản xuất nông nghiệp, (2) công nghiệp hóa, và (3) nền kinh tế phát triển.

Giai đoạn 1: sản xuất nông nghiệp: Có đặc trưng chính là sự thống trị của các hoạt động của khu vực khai thác, đặc biệt là nông

ng nghiệp, như là nguồn lực chính trong việc gia tăng sản lượng của các hàng hóa khả thương (tradables).

Giai đoạn 2 hay là giai đoạn công nghiệp hóa: Có đặc điểm nổi bật là tầm quan trọng trong nền kinh tế đã được chuyển từ khu vực nông nghiệp sang khu vực chế biến

Giai đoạn 3: là giai đoạn của một nền kinh tế phát triển: Khu vực dịch vụ trở thành khu vực quan trọng nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP cũng như cơ cấu lao động

1.2.3. Các nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.2.3.1. Các nhân tố chủ quan

- Tài nguyên thiên nhiên
- Lao động và chất lượng nguồn nhân lực.
- Vốn đầu tư.
- Thị trường và nhu cầu tiêu dùng của xã hội.
- Khả năng và cơ chế quản lý của nhà nước (chính quyền địa phương)

1.2.3.2. Các nhân tố khách quan

- Xu thế toàn cầu hoá kinh tế và quốc tế hoá lực lượng sản xuất.
- Xu hướng chính trị xã hội của khu vực và thế giới.
- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ.

1.2.4. Vận dụng lý luận chuyển dịch cơ cấu kinh tế vào một tỉnh nông nghiệp

1.2.5 Các chỉ tiêu đánh giá sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.2.5.1. Các chỉ tiêu đánh giá sự chuyển dịch cơ cấu ngành

- Tỷ trọng các ngành trong nền kinh tế
- Hệ số chuyển dịch $\text{Cos}\varphi$:

$$\cos \varphi = \frac{\left(\sum_{i=1}^n S_i(t_0) S_i(t_1) \right)}{\sqrt{\left(\sum_{i=1}^n S_i^2(t_0) \sum_{i=1}^n S_i^2(t_1) \right)}} \quad (1.1)$$

Trong đó: $S_i(t)$ là tỷ trọng ngành i tại thời điểm t

φ được coi là góc hợp bởi 2 véc tơ cơ cấu $S(t_0)$ và $S(t_1)$.

1.2.5.2. Lựa chọn bộ chỉ tiêu công nghiệp hoá dự kiến

Bảng 1.2: Các giai đoạn công nghiệp hóa theo H. Chenery¹

Chỉ tiêu	Tiền CNH	Khởi đầu CNH	Phát triển CNH	Hoàn thiện CNH	Hậu CNH
Cơ cấu ngành	A>I	A>20% A<I	A<20% I>S	A<10% I>S	A<10% I<S

Nguồn: Thế nào là một nước công nghiệp

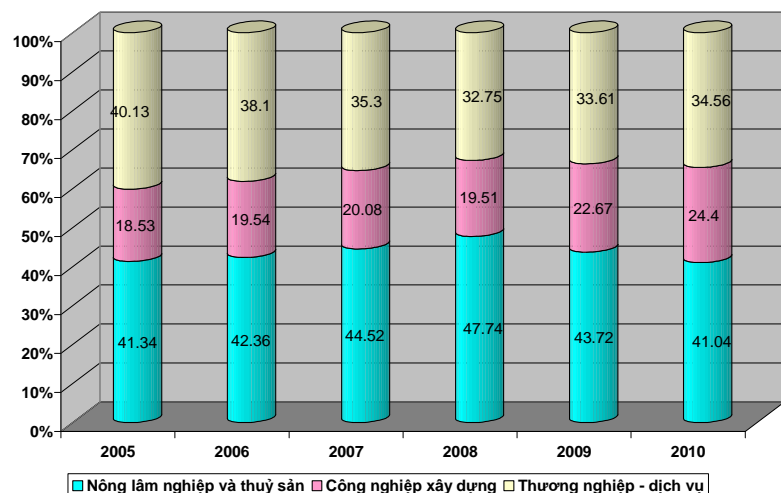
¹ A: Nông nghiệp, I: Công nghiệp S: Dịch vụ

Chương 2: CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

2.1. CƠ CẤU KINH TẾ VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

2.1.1. Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cùng với việc tăng trưởng mạnh và đều đặn của khu vực công nghiệp – xây dựng và khu vực dịch vụ, cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp song mức độ chuyển dịch còn chậm.



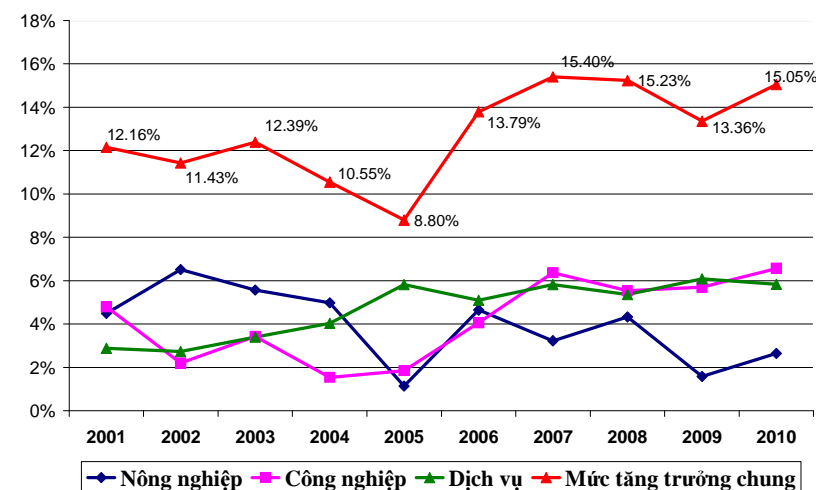
Biểu đồ 2.2. Cơ cấu kinh tế tỉnh Kon Tum phân theo ngành

Trong giai đoạn 2001-2005 hệ số Cos ϕ rất lớn và góc ϕ rất nhỏ từ đó cho thấy chất lượng chuyển dịch cơ cấu kinh tế rất chậm chạp, gần như sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong giai đoạn này là không đáng kể. Giai đoạn 2006-2010 thì sự chuyển dịch cơ cấu diễn

ra nhanh hơn, tuy nhiên hệ số góc ϕ cũng còn rất nhỏ, điều này cho thấy sự cải thiện cơ cấu kinh tế diễn ra còn hết sức chậm chạp (so với hệ số góc ϕ năm 2010 là 14.71 của tỉnh Gia Lai thì hệ số góc ϕ của tỉnh còn rất thấp).

Bảng 2.1. Hệ số góc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Kon Tum

Thời kỳ	2001-2005	2006-2010	2000-2010
Cos ϕ	0.99961	0.99499	0.99456
ϕ	1.36	5.44	5.58



Biểu đồ 2.3. Đóng góp vào 1% tăng trưởng của các ngành

Cơ cấu kinh tế của tỉnh Kon Tum đang thuộc giai đoạn 1 với sự thống trị của các hoạt động của khu vực khai thác, đặc biệt là khu vực nông nghiệp như là nguồn lực chính của các hàng hoá khả thương (tradables). Điều này được thể hiện rõ rệt qua cơ cấu kinh tế nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn (41,07% năm 2010) và hệ số góc ϕ nhỏ biểu hiện cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch không đáng kể.

2.1.2. Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần

Cơ cấu kinh tế theo thành phần của tỉnh có sự chuyển dịch theo đúng hướng tăng dần tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế ngoài nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, giảm dần tỉ trọng đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước. Tuy nhiên, Đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân vẫn còn rất khiêm tốn.

Bảng 2.2. Cơ cấu kinh tế theo thành phần tỉnh Kon Tum

Năm	2000	2003	2006	2009	2010
GDP (tỷ đồng)	854612	1281120	2294.87	4874.49	5951.06
Kinh tế nhà nước	364682	554687	919.81	1706.07	2115.14
Kinh tế ngoài nhà nước	489930	726433	1366	3150.5	3817.30
- Kinh tế tập thể	6329	10913	10.27	10.45	8.55
- Kinh tế tư nhân	36634	92001	230.94	606.44	989.36
- Kinh tế cá thể	446967	623519	1124.79	2533.61	2819.39
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	9.06	17.92	18.62
CƠ CẤU					
Kinh tế nhà nước (%)	42,7	43,3	40,1	35,8	35,5
Kinh tế ngoài nhà nước	57,3	56,7	59,5	63,8	64,2
- Kinh tế tập thể	0,7	0,9	0,4	0,2	0,14
- Kinh tế tư nhân	4,3	7,2	10,1	12,6	16,6
- Kinh tế cá thể	52,3	48,7	49,0	51,0	47,38
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	0,0	0,0	0,4	0,4	0,39

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Kon Tum

2.1.3. Cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu lao động, năng suất lao động

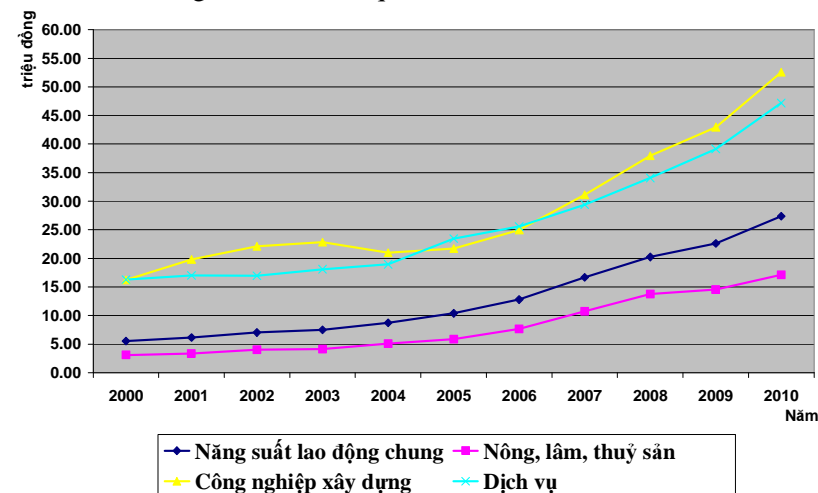
Cơ cấu lao động:

Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần lao động tham gia vào các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Tỷ lệ lao động hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản giảm dần từ

76,8% năm 2005 xuống còn 68% năm 2010; theo các mốc thời gian trên, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng dần từ 7,2% lên 12%, trong lĩnh vực dịch vụ từ 16% và 20%. Tuy nhiên tỷ trọng lao động trong nông nghiệp vẫn chiếm đại đa số.

Năng suất lao động:

Năng suất lao động của các ngành tăng nhanh. Tuy nhiên, năng suất lao động của các ngành vẫn thấp hơn nhiều khi so sánh với các tỉnh lân cận cũng như với toàn quốc.



Biểu đồ 2.4. Năng suất lao động tỉnh Kon Tum

2.2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

2.2.1. Tài nguyên thiên nhiên:

Với những tài nguyên thiên nhiên hiện hữu, tỉnh có lợi thế để phát triển ngành trồng cây công nghiệp (tài nguyên đất), ngành thủy điện (tài nguyên nước), khai thác khoáng sản (tài nguyên khoáng sản) và ngành du lịch (sự đa dạng về tài nguyên du lịch)

2.2.2. Dân số và chất lượng nguồn nhân lực

Kon Tum là một tỉnh dân cư còn thưa thớt, với mật độ dân số trung bình là 40 người/km², dân số trẻ và tỉ lệ dân cư ở nông thôn còn khá lớn thì Kon Tum có điều kiện phát triển các ngành sản xuất tận dụng lợi thế về đất đai rộng lớn đồng thời xoá bỏ dần tập quán du canh du cư, đốt rừng làm nương rẫy của đồng bào dân tộc thiểu số.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo chung khoảng 33.5%, qua đào tạo nghề đạt 20.5%. Phần lớn lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật tập trung chủ yếu ở khối hành chính sự nghiệp và lao động công nghiệp, lao động nông nghiệp hầu như chưa được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật mặc dù lao động trong nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu nguồn nhân lực. Chất lượng lao động thấp, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề còn quá mỏng, đào tạo chậm, khả năng thu hút chất xám từ nơi khác đến nông thôn, vùng đồng bào dân tộc còn rất khó khăn. Nguồn lao động từ kinh tế mới hầu như là trình độ thấp, nghèo, không có vốn và thiếu kinh nghiệm trong sản xuất ở một vùng đất mới.

2.2.3. Vốn đầu tư và thu hút vốn đầu tư:

Vốn đầu tư ngày càng tăng, giai đoạn 2006-2010 đạt khoảng 14.586 tỷ đồng, tăng 2,4 lần so 5 năm trước. Tuy vậy, nếu so toàn vùng Tây Nguyên, tổng vốn đầu tư toàn xã hội, tỉnh Kon Tum chỉ chiếm 12,2%, so với Gia Lai chỉ bằng 38,4%, với Đắk Lắk chỉ bằng 56%, với Lâm Đồng bằng 55,1% (năm 2007).

Cơ cấu vốn đầu tư so với tổng vốn đầu tư phát triển có sự thay đổi tích cực. Tuy nhiên, vốn đầu tư nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn 59,2%, trong khi đó vốn đầu tư nước ngoài không đáng kể chỉ chiếm 2,5% (năm 2010).

Chất lượng và hiệu quả của đầu tư còn thấp (*chỉ số ICOR cao*)

thể hiện tốc độ tăng của giá trị sản xuất cao hơn giá trị gia tăng, điều này cũng giải thích rằng vốn đầu tư toàn xã hội, chủ yếu là vốn ngân sách, đầu tư cho cơ sở hạ tầng, chưa đầu tư vào các lĩnh vực tạo ra giá trị gia tăng lớn.

Mặc dù đang ở giai đoạn đầu, nhưng chiến lược thu hút ngoại lực cho quá trình phát triển của tỉnh đã có nhiều tín hiệu khả quan. Bước đầu thu hút vốn đầu tư vào ba vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh đã thu được một số kết quả tích cực.

2.2.4. Khả năng tham gia vào thị trường trong vùng, khu vực và quốc tế

Kon Tum là một trong 5 tỉnh Tây Nguyên thuộc khu vực Tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, nằm ở phía Bắc Tây Nguyên, cách không xa các khu vực kinh tế phát triển năng động của Miền Trung. Với vị trí là ngã ba biên giới ba nước Đông Dương, Kon Tum được xem là điểm trung chuyển trên tuyến hành lang thương mại quốc tế nối từ Myanmar - Đông Bắc Thái Lan - Nam Lào với khu vực Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và Đông Nam bộ của Việt Nam; đây là tuyến hành lang thương mại Đông - Tây ngắn nhất qua Cửa khẩu quốc tế Bờ Y và là điểm khởi đầu để Kon Tum hội nhập với các nước trong khu vực.

2.2.5. Khả năng điều hành, quản lý của chính quyền địa phương

Những nỗ lực của chính quyền địa phương trong những năm qua đã đem lại những kết quả khả quan: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI (đo lường chất lượng thực tế của điều hành kinh tế địa phương) có sự tiến bộ vượt bậc: Nếu như năm 2007 mức độ cạnh tranh của tỉnh ở mức thấp chỉ xếp 58/63 tỉnh thành thì đến năm 2009 xếp loại khá 51/64 tỉnh thành. Đặc biệt năm 2010 xếp hạng PCI của tỉnh là 39/64 tỉnh thành

2.2.6. Vai trò của doanh nghiệp và các tập đoàn

Nếu tính giai đoạn 2000-2003, ở Kon Tum các DN mới thành lập đăng ký có mức vốn là 400 triệu đồng; năm 2005 là 2 tỷ đồng và năm 2008 mức đăng ký trung bình là 5 tỷ đồng. Tính đến nay, toàn tỉnh có gần 1.000 DN, bình quân số vốn đăng ký của mỗi doanh nghiệp trên 5,26 tỷ đồng.

Giai đoạn 2006-2010, tỉnh Kon Tum có tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 14,51%, trong đó các DNV&N đóng góp tới gần 40% thu ngân sách hàng năm của tỉnh.

Tuy nhiên, việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở tỉnh còn nhiều hạn chế. Bình quân vốn của mỗi DN mới hơn 5 tỷ đồng. Như vậy, có thể thấy đại đa số các DN đang hoạt động trong tình trạng không đủ vốn cần thiết, đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh cũng như năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CƠ CẤU VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

2.3.1. Những thành tựu

- Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực, tỉ trọng các ngành phi nông nghiệp tăng nhanh, đặc biệt cơ cấu trong nội bộ các ngành cũng có bước thay đổi đáng kể

- Cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tích cực, năng suất lao động của các ngành đều có xu hướng tăng.

- Kinh tế nhiều thành phần dựa trên sự tồn tại và đan xen nhiều hình thức sở hữu đã khơi dậy và phát huy các nguồn lực, nhất là nguồn nội lực trong dân, tạo ra sự năng động sáng tạo, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng.

- Các vùng kinh tế động lực vẫn giữ vững được vai trò của mình trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2.3.2. Những hạn chế

- Ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng lớn, các ngành kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.

- Tuy cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tích cực theo qui luật chung song nền kinh tế vẫn nằm trong thời kỳ tiền công nghiệp hoá và xuất phát điểm thấp

- Tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ vào GDP chưa được nâng lên mà còn thụt lùi, điều này thể hiện tỉnh chưa phát huy được lợi thế của mình nhằm phát triển ngành dịch vụ.

- Việc sản xuất kinh doanh vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ thể hiện ở việc kinh tế cá thể còn chiếm một tỉ lệ lớn trong tỷ trọng đóng góp vào GDP.

- Kim ngạch xuất khẩu còn thấp, các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu ở dạng thô, giá trị gia tăng thấp.

- Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn thấp, còn mất cân đối lớn giữa nhu cầu và khả năng đầu tư phát triển.

- Nhìn chung về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực,... còn nhiều hạn chế, chưa đồng bộ nên hiệu quả thu hút đầu tư chưa cao, chưa thực sự hấp dẫn các nhà đầu tư.

- Vai trò đóng góp của các doanh nghiệp và tập đoàn đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa nhiều.

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

3.1. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KON TUM

3.1.1. Quan điểm phát triển

3.1.2. Mục tiêu phát triển

3.2. PHÂN TÍCH SWOT ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

Bảng 3.1. SWOT tỉnh Kon Tum

<u>Điểm mạnh (Strengths)</u>	<u>Điểm yếu (Weaknesses)</u>
S1: Tiềm năng về đất nông nghiệp (cây công nghiệp), thủy điện, khoáng sản, rừng lớn.	W1: Công nghiệp nhỏ bé, lạc hậu, chủ yếu là sản xuất ra các sản phẩm thô.
S2: Phong cảnh thiên nhiên phong phú, sinh thái đa dạng, có nhiều điểm tham quan đặc sắc; Công trình kiến trúc và văn hoá, phong tục tập quán độc đáo.	W2: Doanh nghiệp tư nhân chiếm số lượng ít, đóng góp vào ngân sách thấp, công nghệ sử dụng lạc hậu.
S3: Năng lực cạnh tranh được cải thiện đáng kể qua các năm.	W3: Cơ sở hạ tầng yếu kém (cộng thêm bị tàn phá bởi cơn bão số 9 năm 2009)
S4: Vị trí địa lý thuận lợi trong giao thương kinh tế với nước ngoài và các tỉnh bạn	W4: Trình độ dân trí thấp, đời sống đại bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn (chủ yếu hoạt động trong nông nghiệp).
<u>Cơ hội (Oppoturnities)</u>	<u>Thách thức (Threats)</u>
O1: Chính sách ưu đãi đối với vùng khó khăn của nhà nước.	T1: Tình hình lạm phát cao ở Việt Nam trong thời gian qua.
O2: Quan hệ hợp tác phát triển giữa tỉnh Kon Tum với thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và các tỉnh, thành phố trong nước ngày càng mở rộng.	T2: Sự nhạy cảm về chính trị, xã hội của tỉnh
	T3: Hỗ trợ ODA đối với Việt Nam nói chung, tỉnh Kon Tum nói riêng sẽ giảm (do Việt Nam đã trở thành

O3: Hợp tác giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh trong khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam được củng cố, tăng cường.	một nước có thu nhập trung bình T4: Tình hình bất ổn về kinh tế và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng nợ tại các nước châu Âu dự báo sẽ còn kéo dài. T5: Đầu tư nhà nước chiếm tỉ trọng lớn
---	---

Từ việc phân tích SWOT, đưa ra một số chiến lược như sau:

Bảng 3.2. Một số chiến lược dựa trên phân tích SWOT

<u>Chiến lược SO</u>	<u>Chiến lược ST</u>
S1-S2 + O2-O3: Tận dụng tiềm năng trồng cây nghiệp, du lịch để tận dụng các mối quan hệ hợp tác với các địa phương và quốc tế	S3-S4 + T3-T5: Tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh và sử dụng thế mạnh trong giao thương để kêu gọi đầu tư. S1+T3-T4-T5: Phát triển các ngành công nghiệp thủy điện, khai thác khoáng sản nhằm tạo nguồn thu cho ngân sách thực hiện đầu tư phát triển kinh tế.
<u>Chiến lược WO</u>	<u>Chiến lược WT</u>
W3 + O1: Khắc phục sự yếu kém của cơ sở hạ tầng bằng cách tận dụng các chính sách ưu đãi của nhà nước vào lĩnh vực này.	W3-W4-W5 + T3-T4-T5: Tập trung vào phát triển khu vực kinh tế tư nhân, cơ sở hạ tầng, nâng cao dân trí để thay đổi dần cơ cấu vốn đầu tư dựa vào nội lực cũng như tránh ảnh hưởng của tác động bên ngoài. W1-W4 + T2-T4-T5: Phát triển công nghiệp chế biến sâu, công nghệ cao (doanh nghiệp tư nhân) dựa trên nền tảng vùng nguyên liệu chế biến để tránh các ảnh hưởng tác động bên ngoài.

3.3. ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ TỈNH KON TUM

Bảng 3.3. Hai phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Kon Tum đến năm 2015

	PHƯƠNG ÁN I	PHƯƠNG ÁN II
Mục tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Rút ngắn khoảng cách GDP/người so với các tỉnh Tây Nguyên (năm 2015 bằng 95% so với khu vực) - Công nghiệp hoá nhanh chóng, giảm nhanh tỉ trọng nông nghiệp trong nền kinh tế 	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nền móng vững chắc cho nền kinh tế tỉnh, Phát triển bền vững trong dài hạn. - Giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội (đại bộ phận dân cư hoạt động trong nông nghiệp) - Tận dụng tốt các thế mạnh và ứng phó với các thách thức trong tình hình mới.
-Tốc độ tăng trưởng bình quân (%/năm)	14,5 - 15	12,5 -13
Cơ cấu: - NN (%) - CN - DV	33.5 31.5 35	37 - 38 26 - 27 36 - 37
So 2015/2010 - NN: - CN: - DV:	- 9.0 + 8.4 + 0.5	- 4.5/5.5 + 2.9/3.9 + 1.5/2.5
- cosφ - φ	0.9683 14 ⁰ ,5'	0.9953 5 ⁰ 32'

Căn cứ:

- Thực trạng một nền kinh tế có xuất phát điểm thấp;
- Mục tiêu: Giải quyết tốt vấn đề an sinh xã hội ở địa phương mà phần lớn dân cư hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững trong dài hạn.

- Sử dụng các phương pháp phân tích, đánh giá, lựa chọn

Tôi xin được đưa ra định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Kon Tum trong trung hạn (*phương án 2*) như sau:

Nên đặt mục tiêu tăng trưởng trung bình giai đoạn 2011-2015 trong khoảng 12.5-13.5%/năm (tương đương mức dự báo của khu vực Tây Nguyên) để tránh việc chạy theo công nghiệp bằng mọi giá. Về cơ cấu kinh tế của tỉnh trong trung hạn nên chuyển dịch theo hướng từ nông nghiệp sang mô hình nông nghiệp công nghệ cao - công nghiệp (chế biến) - dịch vụ với mục tiêu tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và nâng cao năng suất lao động trong các ngành kinh tế.

3.4. GIẢI PHÁP

3.4.1. Nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực

- Triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn.

- Thực hiện mạnh mẽ xã hội hoá giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học đối với các địa bàn thuận lợi, có điều kiện kinh tế phát triển.

- Đẩy mạnh việc phổ cập các tri thức khoa học kỹ thuật phổ thông cho người lao động, giới thiệu và chuyển giao kỹ thuật tiên tiến trong các lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, bảo quản và chế biến nông lâm sản; nâng cao kỹ năng sản xuất và chất lượng sản phẩm.

- Nâng cao thể trạng nguồn nhân lực, tập trung vào ba vấn đề

cơ bản: Đảm bảo an toàn dinh dưỡng, an ninh lương thực; chăm sóc y tế và phát triển đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân.

3.4.2. Các giải pháp nhằm thu hút, điều chỉnh cơ cấu vốn đầu tư và thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân.

- Phát triển đồng bộ hạ tầng kinh tế- xã hội, trọng tâm là hệ thống giao thông nông thôn, thuỷ lợi, hạ tầng đô thị:

- Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng: Đầu tư có trọng điểm, tránh tràn lan.

- Xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp

- Tiến hành cải cách khoa học – công nghệ

3.4.3. Tập trung đầu tư, phát triển mạnh thành phố Kon Tum; phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y trở thành trung tâm tăng trưởng và liên kết kinh tế của Tam giác phát triển ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam gắn với xây dựng và phát triển thị trấn Plei Kần đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; Xây dựng và phát triển Trung tâm huyện lỵ Kon Plong gắn với Khu du lịch sinh thái Măng Đen trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng theo hướng hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Kon Tum và dần trở thành khu du lịch lớn của khu vực Bắc Tây Nguyên.

Tập trung đầu tư, phát triển mạnh thành phố Kon Tum; phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y trở thành trung tâm tăng trưởng và liên kết kinh tế của Tam giác phát triển ba nước Campuchia, Lào và Việt Nam gắn với xây dựng và phát triển thị trấn Plei Kần đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; Xây dựng và phát triển Trung tâm huyện lỵ Kon Plong gắn với Khu du lịch sinh thái Măng Đen trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng theo hướng hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Kon Tum và dần trở thành khu du lịch lớn của khu vực Bắc Tây Nguyên.

3.4.4. Từng bước hoàn thiện khả năng quản lý, điều hành của chính quyền địa phương

Công chức, công vụ:

- Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh

- Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia các hoạt động kinh tế và xây dựng chính quyền.

- Có kế hoạch chi tiết để bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại đối với từng chức danh.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Cải cách bộ máy thủ tục hành chính:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính

- Rà soát, tổng kết, tiếp tục cơ chế một cửa trên các lĩnh vực xúc tiến đầu tư, đất đai, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng...

- Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đối với tất cả các cơ quan hành chính; tăng cường kỷ luật hành chính

- Cải cách tài chính công theo hướng nâng cao hiệu quả đầu tư công, hạn chế tham nhũng, lãng phí.

Cải cách thể chế:

- Coi trọng việc nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở

- Khẩn trương cải tiến phương thức quản lý và củng cố đội ngũ cán bộ ở cơ sở theo hướng tiếp cận với công nghệ thông tin, trang bị hệ thống thông tin liên lạc;

3.4.5. Phát triển các ngành kinh tế theo định hướng đã đề ra.

Đối với ngành nông nghiệp:

Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu diện tích một số cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao; phát triển một số loại cây thực phẩm, dược liệu, rau, hoa xứ lạnh phù hợp với điều kiện tự nhiên của từng vùng và nhu cầu thị trường gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu tập trung.

Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ cho hộ nông dân thực hiện cơ giới hoá nông nghiệp; phát triển công nghệ chế biến, công nghệ sau thu hoạch ở những nơi có điều kiện. Có chính sách ưu đãi để từng bước hình thành và phát triển một số thương hiệu nông sản mà Kon Tum có lợi thế

Tiếp tục tuyên truyền và vận động liên kết 4 nhà trong tiêu thụ, sản xuất nông sản hàng hoá

Thường xuyên thực hiện chuyển giao, hướng dẫn ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ và hiện đại hóa các khâu sản xuất

Cần nghiên cứu các biện pháp nhằm giảm chi phí giao dịch của ngành hàng

Đối với ngành công nghiệp:

Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp nhằm thu hút đầu tư, hình thành các cơ sở sản xuất công nghiệp tiên tiến

Tạo điều kiện về mặt bằng các khu, cụm, tuyến công nghiệp để thu hút đầu tư trên địa bàn huyện, thành phố.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường.

Đối với ngành dịch vụ:

Đầu tư, xây dựng các tuyến, điểm, tour du lịch trên cơ sở khai thác giá trị của các di tích lịch sử-văn hóa; di tích chiến tranh...; cảnh

quan thiên nhiên trên địa bàn tỉnh cùng với các điểm tham quan, du lịch văn hóa của các tỉnh Tây Nguyên để thu hút du khách

Lập quy hoạch du lịch chi tiết, đầu tư tôn tạo các danh lam thắng cảnh, di tích văn hoá lịch sử và bảo vệ tài nguyên môi trường

Xúc tiến hình thành và phát triển các tour du lịch liên vùng Tây Nguyên và các tuyến du lịch trong địa bàn

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong những năm qua, cùng với sự cố gắng, nỗ lực của Đảng uỷ, Chính quyền địa phương và nhân dân, tỉnh Kon Tum đã và đang từng bước thực hiện việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tích cực. Tuy nhiên, với xuất phát điểm thấp thì đến nay nền kinh tế tỉnh nhà vẫn còn nặng về nông nghiệp, năng suất lao động của các ngành so với các địa phương lân cận và với cả nước còn thấp, đời sống nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn. Với mục tiêu xoá đói giảm nghèo, phát triển nhanh, bền vững nhằm thì việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, bền vững là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của tỉnh Kon Tum trong giai đoạn tiếp theo.

Nhằm thúc đẩy cơ cấu kinh tế của tỉnh Kon Tum chuyển dịch tích cực hơn theo hướng CNH, HĐH, luận văn kiến nghị một số nội dung cụ thể sau:

Đối với Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương: Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt, triển khai và xây dựng các công trình hạ tầng trọng điểm trên địa bàn tỉnh như quốc lộ 24, quốc lộ 40, đường Hồ Chí Minh, nâng cấp tỉnh lộ 672, tỉnh lộ 674... c... tạo điều kiện thuận lợi trong lưu thông giữa Kon Tum với các tỉnh thành lân cận.

Đối với Tỉnh uỷ: Đề ra các nghị quyết, chương trình hành động cụ thể nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy nhanh CDCCKT theo hướng CNH, HĐH, giảm nhanh tỉ trọng nông nghiệp, tăng mạnh tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP.

Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch chi tiết cho từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phân công cụ thể nhiệm vụ, tăng cường chỉ đạo phối hợp thực hiện giữa các sở, ngành.

- Kiên quyết nói không với những dự án công nghiệp dễ gây ô nhiễm môi trường và công nghệ lạc hậu.

- Ban hành các chính sách ưu đãi, đẩy mạnh mời gọi đầu tư nước ngoài, thu hút đầu tư vào các vùng kinh tế khó khăn. Đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể phát triển.

Đối với các Sở, ngành trong tỉnh:

- Sớm xây dựng và rà soát điều chỉnh, công bố rộng rãi quy hoạch của các ngành, định hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu nội ngành trong từng giai đoạn trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các cuộc hội thảo để lấy ý kiến phản biện xã hội từ các nhà khoa học, nhà quản lí và người dân.

- Tăng cường đầu tư cho giáo dục và dạy nghề, nâng cấp cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, liên kết đào tạo đảm bảo chất lượng, trình độ nguồn lao động bằng hoặc cao hơn trình độ chung của vùng Tây Nguyên, đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế nói chung và CDCCKT nói riêng theo hướng CNH, HĐH.

- Ban hành chương trình hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, thương mại và dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Đối với các doanh nghiệp: Phải tận dụng sự hỗ trợ của nhà nước, chủ động trong sản xuất và kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, tránh ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp của nhà nước, nhất là đối với khối doanh nghiệp nhà nước.